

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-40
<i>Trong đó:</i>	
Báo cáo tình hình tài chính	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động	08-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-40

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy viên
Bà Vũ Thị Hương	Ủy viên
Bà Trần Kim Khánh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc	
Ông Chu Tuấn An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/03/2019
Bà Giang Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15/03/2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Hường	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hương Trà	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Quang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Đương Ngọc Liên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Số: 322/BCKT/TC/VN8

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1,
Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Trí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0895-2018-126-1

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1320-2018-126-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

960-0
CY
AN
HOAN
NH
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		523.993.043.124	478.393.536.918
110	I. Tài sản tài chính		521.427.391.111	473.850.237.106
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	35.225.128.890	32.455.984.291
111.1	1.1 Tiền		34.914.828.890	32.165.984.291
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		310.300.000	290.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	83.459.238.292	86.769.657.354
114	4. Các khoản cho vay	5	384.525.157.266	337.536.751.513
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(18.507.844.370)	(25.555.765.576)
117	7. Các khoản phải thu	7	33.716.373.152	37.666.675.000
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		33.716.373.152	37.646.375.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		-	20.300.000
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		-	20.300.000
118	8. Trả trước cho người bán		2.220.300.600	165.319.000
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	2.296.245.948	2.457.709.632
122	12. Các khoản phải thu khác	7	2.010.641.553	5.871.756.112
129	13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		2.565.652.013	4.543.299.812
131	1. Tạm ứng		98.151.000	838.298.100
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.891.409.873	2.903.319.486
136	6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	401.747.292
137	7. Tài sản ngắn hạn khác		576.091.140	399.934.934
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		158.955.166.167	157.256.025.662
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		10.800.000.000	9.600.000.000
212	2. Các khoản đầu tư	9	10.800.000.000	9.600.000.000
212.4	2.4 Đầu tư dài hạn khác		10.800.000.000	9.600.000.000
220	II. Tài sản cố định		131.064.594.948	132.306.022.764
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.988.773.349	2.398.073.609
222	- Nguyên giá		15.543.351.913	15.264.168.424
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.554.578.564)	(12.866.094.815)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	129.075.821.599	129.907.949.155
228	- Nguyên giá		157.496.618.798	157.496.618.798
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.420.797.199)	(27.588.669.643)
250	V. Tài sản dài hạn khác		17.090.571.219	15.350.002.898
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		855.258.200	843.605.000
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	16.235.313.019	14.506.397.898
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		682.948.209.291	635.649.562.580

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		240.173.217.717	212.385.685.038
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		240.173.217.717	212.385.685.038
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	199.892.189.825	160.314.320.109
312	1.1 Vay ngắn hạn		199.892.189.825	160.314.320.109
316	3. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	14	30.220.000.000	26.487.000.000
318	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	1.666.456.231	1.055.096.221
320	8. Phải trả người bán ngắn hạn		392.496.075	452.382.506
321	9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		70.802.499	381.371.481
322	10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.151.791.400	674.053.010
323	11. Phải trả người lao động		892.500.858	956.865.383
324	12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		19.005.400	21.267.200
325	13. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.468.325.197	1.733.431.617
328	16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		156.000.000	156.000.000
329	17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	243.650.232	20.153.897.511
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		442.774.991.574	423.263.877.542
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	442.774.991.574	423.263.877.542
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397.000.000.000	397.000.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(9.200.000.000)	(10.400.000.000)
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5.315.204.926	4.869.146.569
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5.315.204.926	4.869.146.569
417	7. Lợi nhuận chưa phân phối		44.344.581.722	26.925.584.404
417.1	7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		52.428.893.412	35.913.526.111
417.2	7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(8.084.311.690)	(8.987.941.707)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		682.948.209.291	635.649.562.580


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	50.180.420.000	47.291.280.000
009	9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		-	190.000
012	12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	64.075.470.137	47.363.120.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	4.970.746.940.000	4.039.556.220.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		3.998.467.470.000	3.277.536.190.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		16.730.220.000	20.864.230.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		921.483.920.000	720.760.420.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		105.540.000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		33.959.790.000	20.395.380.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	12.574.280.000	1.158.540.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		12.284.280.000	1.088.540.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		290.000.000	70.000.000
026	7. Tiền gửi của khách hàng	24	354.503.529.598	152.465.894.793
027	7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		354.496.863.448	152.459.228.643
030	7.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		6.666.150	6.666.150
031	8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	354.496.863.448	152.459.228.643
031.1	8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		354.496.863.448	152.459.228.643
035	12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26	6.666.150	6.666.150


Nguyễn Thị Hiền Lương
Người lập

Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng


Trương Ngọc Lan
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5.266.752.336	7.440.997.532	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	3.050.516.091	3.799.389.179
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	28.b)	1.079.724.051	3.150.018.601
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	28.c)	1.136.512.194	491.589.752
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28.c)	41.800.739.476	34.738.428.524
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		21.130.711.406	28.116.863.084
07	1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.427.572.211	7.467.042.413
09	1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		2.395.879.226	2.062.601.932
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		3.854.981.818	1.992.909.091
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	28.d)	2.262.502.352	3.405.116.417
20		Cộng doanh thu hoạt động		78.139.138.825	85.223.958.993
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		3.016.981.052	4.576.526.253
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	2.840.887.018	875.367.212
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	28.b)	176.094.034	3.701.159.041
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		2.790.086.229	15.814.788.707
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh		182.342.736	148.970.363
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		9.867.220.439	12.049.066.130
28	2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		156.600.000	4.799.500.000
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.676.786.264	1.876.354.934
31	2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		1.490.344.084	548.691.001
32	2.12	Chi phí các dịch vụ khác	29	6.028.406	18.180.118
40		Cộng chi phí hoạt động		19.186.389.210	39.832.077.506

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

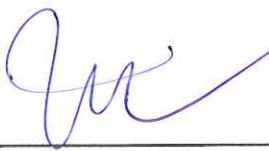
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
44	3.1 Doanh thu khác về đầu tư		10.831.024	125.018.964
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		10.831.024	125.018.964
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	36.188.991.494	33.985.147.292
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		22.774.589.145	11.531.753.159
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	31	299.399.078	8.209.778.142
72	8.2 Chi phí khác	32	36.622.822	8.514.273.333
80	Cộng kết quả hoạt động khác		262.776.256	(304.495.191)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		23.037.365.401	11.227.257.968
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		22.133.735.384	11.778.398.408
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		903.630.017	(551.140.440)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	4.666.295.206	2.306.090.835
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		4.666.295.206	2.306.090.835
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>18.371.070.195</u>	<u>8.921.167.133</u>
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		903.630.017	(551.140.440)
400	Tổng thu nhập toàn diện		903.630.017	(551.140.440)
500	XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	463	225


Nguyễn Thị Hiền Lương
Người lập


Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng


Trương Ngọc Lan
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		23.037.365.401	11.227.257.968
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		3.555.075.706	16.736.786.467
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.659.858.916	1.683.934.433
04	- Các khoản dự phòng		(7.047.921.206)	5.734.445.507
06	- Chi phí lãi vay		9.838.007.438	10.080.343.200
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(64.338.318)
08	- Dự thu tiền lãi		(894.869.442)	(697.598.355)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		176.094.034	3.701.159.041
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		176.094.034	3.701.159.041
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(1.079.724.051)	(3.150.018.601)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(1.079.724.051)	(3.150.018.601)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(65.812.105.107)	(77.810.443.333)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		4.214.049.079	(3.116.273.386)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(46.988.405.753)	(60.310.690.916)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		3.930.001.848	(20.515.949.440)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		20.300.000	1.109.376.500
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		161.463.684	(255.749.536)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		1.629.976.753	(866.883)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		740.147.100	(179.857.100)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		2.734.893.580	335.880.831
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		1.011.909.613	(1.371.902.874)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.001.504.817)	(2.311.609.339)
44	- Lãi vay đã trả		(9.838.007.438)	(10.589.327.964)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(59.886.431)	288.729.668
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(2.261.800)	4.807.280
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		154.739.130	(179.881.755)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(64.364.525)	87.158.681
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(19.609.456.251)	20.688.261.366
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		894.869.442	1.370.679.813
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.740.568.321)	(2.863.228.279)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(40.123.294.017)	(49.295.258.458)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(418.431.100)	-
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	8.892.035.500
70	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(418.431.100)</i>	<i>8.892.035.500</i>
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		11.855.465.584.010	12.935.544.357.270
73.2	3.2 Tiền vay khác		11.855.465.584.010	12.935.544.357.270
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(11.812.154.714.294)	(12.932.664.651.580)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(11.812.154.714.294)	(12.932.664.651.580)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>43.310.869.716</i>	<i>2.879.705.690</i>
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		2.769.144.599	(37.523.517.268)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		32.455.984.291	69.979.501.559
101.1	- Tiền		32.165.984.291	29.689.501.559
101.2	- Các khoản tương đương tiền		290.000.000	40.290.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		35.225.128.890	32.455.984.291
103.1	- Tiền		34.914.828.890	32.165.984.291
103.2	- Các khoản tương đương tiền		310.300.000	290.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		5.307.385.618.400	7.733.492.523.400
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(6.133.618.574.400)	(7.698.982.121.050)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.030.666.470.031	(110.689.994.297)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(2.395.879.226)	(2.062.601.932)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		158.859.833.295	189.872.284.343
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(158.859.833.295)	(189.872.284.343)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		202.037.634.805	(78.242.193.879)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		152.465.894.793	230.708.088.672
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		152.465.894.793	230.708.088.672
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		152.459.228.643	230.701.422.522
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		6.666.150	6.666.150
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		354.503.529.598	152.465.894.793
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		354.503.529.598	152.465.894.793
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		354.496.863.448	152.459.228.643
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		6.666.150	6.666.150

Nguyễn Thị Hiền Lương
Người lập

Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng

Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2018		01/01/2019		31/12/2018		31/12/2019	
		VND	VND	Tăng	Giảm	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	(10.400.000.000)	-	10.400.000.000	-	4.600.000.000	(10.400.000.000)	(9.200.000.000)
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.483.556.057	4.869.146.569	385.590.512	-	446.058.357	-	4.869.146.569	5.315.204.926
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.483.556.057	4.869.146.569	385.590.512	-	446.058.357	-	4.869.146.569	5.315.204.926
7. Lợi nhuận chưa phân phối		18.775.598.295	26.925.584.404	8.921.167.133	771.181.024	18.371.070.195	952.072.877	26.925.584.404	44.344.581.722
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		27.212.399.562	35.913.526.111	9.472.307.573	771.181.024	17.467.440.178	952.072.877	35.913.526.111	52.428.893.412
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(8.436.801.267)	(8.987.941.707)	(551.140.440)	903.630.017	903.630.017		(8.987.941.707)	(8.084.311.690)
TỔNG CỘNG		424.742.710.409	423.263.877.542	9.692.348.157	11.171.181.024	25.063.186.909	5.552.072.877	423.263.877.542	442.774.991.574

(Handwritten signature)



Nguyễn Thị Hiền Lương
Người lập

Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng

Đồng Trưởng Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất ngày 21 tháng 4 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 397.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 397.000.000.000 đồng; tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 29/9/2006 Công ty được cấp giấy chứng nhận thành lập Công ty và kết thúc tại ngày 31/12/2006.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Upcom là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL vào Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao.	

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả các chi nhánh CTV của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

Quỹ	Mức trích từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

2.13 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Các khoản thuế

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	9.257.158	3.431.170.665.607
- Cổ phiếu	3.275.410	93.717.337.267
- Trái phiếu	5.001.148	1.602.980.500.000
- Chứng khoán khác	980.600	1.734.472.828.340
Của nhà đầu tư	741.077.537	11.785.872.660.300
- Cổ phiếu	738.074.837	11.478.292.606.800
- Trái phiếu	3.000.000	307.539.500.000
- Chứng khoán khác	2.700	40.553.500
	750.334.695	15.217.043.325.907

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	34.914.828.890	32.165.984.291
Các khoản tương đương tiền	310.300.000	290.000.000
	35.225.128.890	32.455.984.291

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	32.711.176.889	25.777.001.400	35.063.555.265	27.467.087.150
Cổ phiếu chưa niêm yết	42.940.842.956	41.790.706.755	60.382.836.947	58.991.363.355
Trái phiếu	15.891.530.137	15.891.530.137	311.206.849	311.206.849
	91.543.549.982	83.459.238.292	95.757.599.061	86.769.657.354

b) Các khoản cho vay

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Hoạt động margin	335.185.800.563	317.657.785.555
Hoạt động ứng trước tiền bán	49.339.356.703	19.878.965.958
	384.525.157.266	337.536.751.513

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 - CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính) (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	91.543.549.982	95.757.599.061	83.459.238.292	86.769.657.354	54.648.633	92.481.942	(8.138.960.323)	(9.080.423.649)	83.459.238.292	86.769.657.354
Cổ phiếu niêm yết	32.711.176.889	35.063.555.265	25.777.001.400	27.467.087.150	54.648.633	92.481.942	(6.988.824.122)	(7.688.950.057)	25.777.001.400	27.467.087.150
- SHN	27.467.958.457	27.467.958.457	21.069.321.000	21.609.568.400	-	-	(6.398.637.457)	(5.858.390.057)	21.069.321.000	21.609.568.400
- VGC	2.430.186.665	7.290.560.000	1.840.000.000	5.460.000.000	-	-	(590.186.665)	(1.830.560.000)	1.840.000.000	5.460.000.000
- BVH	2.650.443.509	1.819.330	2.683.769.200	2.492.000	33.325.691	672.670	-	-	2.683.769.200	2.492.000
- Cổ phiếu lẻ khác	162.588.258	303.217.478	183.911.200	395.026.750	21.322.942	91.809.272	-	-	183.911.200	395.026.750
Cổ phiếu chưa niêm yết	42.940.842.956	60.382.836.947	41.790.706.755	58.991.363.355	-	-	(1.150.136.201)	(1.391.473.592)	41.790.706.755	58.991.363.355
- BSR	850.208.903	3.417.839.811	410.000.000	2.733.600.000	-	-	(440.208.903)	(684.239.811)	410.000.000	2.733.600.000
- Công ty CP Giấy An Hòa	7.700.000.000	22.600.000.000	7.700.000.000	22.600.000.000	-	-	-	-	7.700.000.000	22.600.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	25.114.006.552	25.114.006.552	25.114.006.552	25.114.006.552	-	-	-	-	25.114.006.552	25.114.006.552
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình	4.042.300.000	4.021.450.000	4.042.300.000	4.021.450.000	-	-	-	-	4.042.300.000	4.021.450.000
- Công ty CP Bất Động Sản Exim	3.230.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000	-	-	-	-	3.230.000.000	3.230.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957.605.000	957.605.000	957.605.000	957.605.000	-	-	-	-	957.605.000	957.605.000
- Khác	1.046.722.501	1.041.935.584	336.795.203	334.701.803	-	-	(709.927.298)	(707.233.781)	336.795.203	334.701.803
Trái phiếu chưa niêm yết	15.891.530.137	311.206.849	15.891.530.137	311.206.849	-	-	-	-	15.891.530.137	311.206.849
- Trái phiếu khác	15.891.530.137	311.206.849	15.891.530.137	311.206.849	-	-	-	-	15.891.530.137	311.206.849
Tổng cộng	91.543.549.982	95.757.599.061	83.459.238.292	86.769.657.354	54.648.633	92.481.942	(8.138.960.323)	(9.080.423.649)	83.459.238.292	86.769.657.354

Ghi chú:

(*) Đối với các cổ phiếu OTC, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	18.507.844.370	25.555.765.576
Tại ngày 31/12	18.507.844.370	25.555.765.576

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

a) Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	33.716.373.152	37.646.375.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	20.300.000
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.296.245.948	2.457.709.632
Phải thu khác	2.010.641.553	5.871.756.112
	38.023.260.653	45.996.140.744

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tại ngày 01/01	3.517.850.220	3.517.850.220
Tại ngày 31/12	3.517.850.220	3.517.850.220

061
 NG
 NH
 1 T
 1 Đ
 N
 M
 1390
 I TY
 HÂN
 KHO
 BÌNH
 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Kỳ này				Số cuối năm VND	Năm trước VND
		Số đầu năm	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND	Số cuối năm VND		
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)	
- Nguyễn Hoài Anh	1.390.282.667	(1.390.282.667)	-	-	(1.390.282.667)	(1.390.282.667)	
- Mai Mỹ Trang	1.186.912.000	(1.186.912.000)	-	-	(1.186.912.000)	(1.186.912.000)	
- Khách hàng khác	940.655.553	(940.655.553)	-	-	(940.655.553)	(940.655.553)	
	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)	



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	10.800.000.000	9.600.000.000
	10.800.000.000	9.600.000.000

Tại ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đang nắm giữ 2.000.000 cổ phần của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu này được Công ty phân loại là Tài sản tài chính AFS với mục đích đầu tư dài hạn. Ngày 07/8/2018 cổ phiếu này đã thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom với mã giao dịch là EVF. Giá trị chênh lệch khoản đầu tư AFS dài hạn được ghi nhận vào chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2019.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	220.000.001	13.134.715.423	1.909.453.000	15.264.168.424
Mua trong năm	-	418.431.100	-	418.431.100
Thanh lý, nhượng bán	-	(139.247.611)	-	(139.247.611)
Tại ngày 31/12/2019	220.000.001	13.413.898.912	1.909.453.000	15.543.351.913
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	188.935.212	11.426.518.000	1.250.641.603	12.866.094.815
Khấu hao trong năm	31.064.789	691.368.575	105.297.996	827.731.360
Thanh lý, nhượng bán	-	(139.247.611)	-	(139.247.611)
Tại ngày 31/12/2019	220.000.001	11.978.638.964	1.355.939.599	13.554.578.564
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	31.064.789	1.708.197.423	658.811.397	2.398.073.609
Tại ngày 31/12/2019	-	1.435.259.948	553.513.401	1.988.773.349

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.853.891.755 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	125.000.000.000	32.496.618.798	157.496.618.798
Tại ngày 31/12/2019	125.000.000.000	32.496.618.798	157.496.618.798
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	-	27.588.669.643	27.588.669.643
Khấu hao trong năm	-	832.127.556	832.127.556
Tại ngày 31/12/2019	-	28.420.797.199	28.420.797.199
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	125.000.000.000	4.907.949.155	129.907.949.155
Tại ngày 31/12/2019	125.000.000.000	4.075.821.599	129.075.821.599

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	14.522.845.222	13.688.799.543
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.592.467.797	697.598.355
Số dư cuối năm	<u>16.235.313.019</u>	<u>14.506.397.898</u>

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2019	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	160.314.320.109	11.823.745.584.010	11.784.167.714.294	199.892.189.825
Ngân hàng TMCP An Bình ⁽¹⁾	160.314.320.109	11.823.745.584.010	11.784.167.714.294	199.892.189.825
	<u>160.314.320.109</u>	<u>11.823.745.584.010</u>	<u>11.784.167.714.294</u>	<u>199.892.189.825</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Vay ngân hàng TMCP An Bình bao gồm nhiều hợp đồng vay: Mục đích hỗ trợ tín dụng các nhà đầu tư. Thời hạn vay từ 01 đến 02 ngày. Hình thức đảm bảo quy định theo hợp đồng.

14 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Trái phiếu thường

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
Trái phiếu phát hành	30.220.000.000			26.487.000.000		
- Loại phát hành theo mệnh giá	30.220.000.000	9,5%, 10%	12 tháng	26.487.000.000	10,0%	12 tháng
	<u>30.220.000.000</u>			<u>26.487.000.000</u>		

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	611.823.175	279.025.360
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	174.491.857	185.327.730
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	880.141.199	590.743.131
	<u>1.666.456.231</u>	<u>1.055.096.221</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	158.732.000	73.586.558
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.322.999.260	-
Thuế Thu nhập cá nhân	652.087.864	600.466.452
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	17.972.276	-
	2.151.791.400	674.053.010

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.652.100.755	1.244.437.598
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	2.816.224.442	488.994.019
	4.468.325.197	1.733.431.617

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình	-	20.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	243.650.232	153.897.511
	243.650.232	20.153.897.511

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
Tập đoàn Geleximco - CTCP	43,50%	172.705.620.000	43,50%	172.705.620.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thái Bình	9,93%	39.438.530.000	9,93%	39.438.530.000
Ngân hàng TMCP An Bình	0,00%	-	5,20%	20.650.000.000
Ông Chu Văn Mân	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Ông Nguyễn Văn Anh	6,76%	26.840.950.000	6,76%	26.840.950.000
Ông Vũ Đức Chính	5,20%	20.650.000.000	0,00%	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	9,57%	38.002.500.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Văn Trung	0,00%	-	9,50%	37.715.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	15,53%	61.647.400.000	15,60%	61.934.900.000
	100%	397.000.000.000	100%	397.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	52.428.893.412	35.913.526.111
Lợi nhuận chưa thực hiện	(8.084.311.690)	(8.987.941.707)
	44.344.581.722	26.925.584.404

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	35.913.526.111	27.650.269.081
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm	(8.084.311.690)	(8.987.941.707)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm này tính từ đầu năm	17.467.440.178	9.472.307.573
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm	45.296.654.599	28.134.634.947
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	892.116.714	771.181.024
- Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	446.058.357	385.590.512
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	446.058.357	385.590.512

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	397.000.000.000	397.000.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	26.635.490.000	47.291.280.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	630.000	-
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	23.153.100.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	391.200.000	-
	<u>50.180.420.000</u>	<u>47.291.280.000</u>

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	64.075.470.137	47.363.120.000
	<u>64.075.470.137</u>	<u>47.363.120.000</u>

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.998.467.470.000	3.277.536.190.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	16.730.220.000	20.864.230.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	921.483.920.000	720.760.420.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	105.540.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	33.959.790.000	20.395.380.000
	<u>4.970.746.940.000</u>	<u>4.039.556.220.000</u>

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	12.284.280.000	1.088.540.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	290.000.000	70.000.000
	<u>12.574.280.000</u>	<u>1.158.540.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	354.496.863.448	152.459.228.643
1. Nhà đầu tư trong nước	354.476.723.128	152.440.125.084
2. Nhà đầu tư nước ngoài	20.140.320	19.103.559
Tiền gửi của tổ chức phát hành	6.666.150	6.666.150
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	6.666.150	6.666.150
	354.503.529.598	152.465.894.793

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	354.496.863.448	152.459.228.643
1.1 Nhà đầu tư trong nước	354.476.723.128	152.440.125.084
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	20.140.320	19.103.559
	354.496.863.448	152.459.228.643

26 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	6.666.150	6.666.150
	6.666.150	6.666.150

27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	335.185.800.563	317.657.785.555
1.1 Phải trả gốc margin	335.185.800.563	317.657.785.555
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	335.185.800.563	317.657.785.555
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	49.339.356.703	19.878.965.958
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	49.339.356.703	19.878.965.958
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	49.339.356.703	19.878.965.958
	384.525.157.266	337.536.751.513

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

28 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu	45.724.259.000	47.993.078.267	571.067.751	2.840.887.018	3.799.389.179	875.367.212
Chứng khoán khác	868.086.388.340	866.386.440.000	1.699.948.340	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	801.880.000.000	801.100.500.000	779.500.000	-	-	-
	1.715.690.647.340	1.715.480.018.267	3.050.516.091	2.840.887.018	3.799.389.179	875.367.212



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh		Chênh lệch điều chỉnh	
			giá trị cuối kỳ	giá lại đầu kỳ	số kế toán kỳ này	VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL						
Cổ phiếu niêm yết	91.543.549.982	83.459.238.292	(8.084.311.690)	(8.987.941.707)	903.630.017	
- SHN	32.711.176.889	25.777.001.400	(6.934.175.489)	(7.596.468.115)	662.292.626	
- VGC	27.467.958.457	21.069.321.000	(6.398.637.457)	(5.858.390.057)	(540.247.400)	
- MBB	2.430.186.665	1.840.000.000	(590.186.665)	(1.830.560.000)	1.240.373.335	
- Cổ phiếu lẻ khác	2.650.443.509	2.683.769.200	33.325.691	672.670	32.653.021	
Cổ phiếu chưa niêm yết	162.588.258	183.911.200	21.322.942	91.809.272	(70.486.330)	
- BSR	42.940.842.956	41.790.706.755	(1.150.136.201)	(1.391.473.592)	241.337.391	
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	850.208.903	410.000.000	(440.208.903)	(684.239.811)	244.030.908	
- Ngân hàng TMCP An Bình	7.700.000.000	7.700.000.000	-	-	-	
- Ngân hàng TMCP An Bình	25.114.006.552	25.114.006.552	-	-	-	
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	4.042.300.000	4.042.300.000	-	-	-	
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim	3.230.000.000	3.230.000.000	-	-	-	
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957.605.000	957.605.000	-	-	-	
- Khác	1.046.722.501	336.795.203	(709.927.298)	(707.233.781)	(2.693.517)	
Trái phiếu chưa niêm yết	15.891.530.137	15.891.530.137	-	-	-	
- Trái phiếu khác	15.891.530.137	15.891.530.137	-	-	-	
	91.543.549.982	83.459.238.292	(8.084.311.690)	(8.987.941.707)	903.630.017	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.136.512.194	491.589.752
Từ các khoản cho vay	41.800.739.476	34.738.428.524
	<u>42.937.251.670</u>	<u>35.230.018.276</u>

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	2.262.502.352	3.405.116.417
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê tài sản	544.636.364	453.484.545
- Doanh thu khác	1.717.865.988	2.951.631.872
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	<u>2.262.502.352</u>	<u>3.405.116.417</u>

29 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	6.028.406	18.180.118
- Chi phí khác	6.028.406	18.180.118
	<u>6.028.406</u>	<u>18.180.118</u>

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	21.291.957.621	19.080.016.238
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư, văn phòng phẩm	1.217.050.351	1.186.799.964
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.659.858.916	1.679.010.679
Chi phí thuế, phí và lệ phí	13.736.000	16.000.000
Chi phí khác	12.006.388.606	12.023.320.411
	<u>36.188.991.494</u>	<u>33.985.147.292</u>

1960
 TY
 AN
 KHOA
 BINH
 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.727.273	8.087.021.899
Các khoản khác	295.671.805	122.756.243
	299.399.078	8.209.778.142

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	8.514.273.333
Các khoản bị phạt	17.972.276	-
Các khoản khác	18.650.546	-
	36.622.822	8.514.273.333

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.037.365.401	11.227.257.968
Các khoản điều chỉnh tăng	863.622.822	620.933.000
- Chi phí không hợp lệ	863.622.822	620.933.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(569.512.194)	(491.589.752)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(569.512.194)	(491.589.752)
Tổng thu nhập tính thuế	23.331.476.029	11.356.601.216
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	4.666.295.206	2.271.320.243
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	-	34.770.592
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.666.295.206	2.306.090.835

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	18.371.070.195	8.921.167.133
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.371.070.195	8.921.167.133
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39.700.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	463	225

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro của công ty được thiết lập nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra để Công ty đạt được mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách hiệu quả an toàn.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.225.128.890	-	32.455.984.291	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	83.459.238.292	-	86.769.657.354	-
Các khoản cho vay	384.525.157.266	(18.507.844.370)	337.536.751.513	(25.555.765.576)
Các khoản phải thu	38.023.260.653	(3.517.850.220)	45.996.140.744	(3.517.850.220)
Đầu tư dài hạn	10.800.000.000	-	9.600.000.000	-
	552.032.785.101	(22.025.694.590)	512.358.533.902	(29.073.615.796)

Công cụ nợ tài chính	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vay và nợ	230.112.189.825	186.801.320.109
Phải trả người bán, phải trả khác	2.302.602.538	21.661.376.238
Chi phí phải trả	4.468.325.197	1.733.431.617
	236.883.117.560	210.196.127.964

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư, bán chứng khoán tự doanh. Tại mỗi kỳ lập báo cáo, Công ty đánh giá rủi ro căn cứ vào tình hình thị trường: giá cổ phiếu, mức độ nắm giữ, trạng thái nắm giữ. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách duy trì ở một mức độ hợp lý các khoản vay và các nguồn vay thích hợp từ việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.225.128.890	-	-	35.225.128.890
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	83.459.238.292	-	-	83.459.238.292
Các khoản cho vay	366.017.312.896	-	-	366.017.312.896
Các khoản phải thu	34.505.410.433	-	-	34.505.410.433
Đầu tư dài hạn	-	10.800.000.000	-	10.800.000.000
	519.207.090.511	10.800.000.000	-	530.007.090.511
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.455.984.291	-	-	32.455.984.291
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	86.769.657.354	-	-	86.769.657.354
Các khoản cho vay	311.980.985.937	-	-	311.980.985.937
Các khoản phải thu	42.478.290.524	-	-	42.478.290.524
Đầu tư dài hạn	-	9.600.000.000	-	9.600.000.000
	473.684.918.106	9.600.000.000	-	483.284.918.106

1030
CÔNG
CỔ P
ỨNG
AN
G D

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	230.112.189.825	-	-	230.112.189.825
Phải trả người bán và phải trả khác	2.302.602.538	-	-	2.302.602.538
Chi phí phải trả	4.468.325.197	-	-	4.468.325.197
	<u>236.883.117.560</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>236.883.117.560</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	186.801.320.109	-	-	186.801.320.109
Phải trả người bán và phải trả khác	21.661.376.238	-	-	21.661.376.238
Chi phí phải trả	1.733.431.617	-	-	1.733.431.617
	<u>210.196.127.964</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>210.196.127.964</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

1390
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
AN BÌNH
1 - TP

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN
 Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	23.526.590.632	5.266.752.336	49.345.795.857	78.139.138.825	-	78.139.138.825
Chi phí hoạt động	11.544.006.703	3.199.323.788	4.443.058.719	19.186.389.210	-	19.186.389.210
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	10.831.024	-	10.831.024
Chi phí không phân bổ	-	-	-	36.188.991.494	-	36.188.991.494
Kết quả hoạt động	11.982.583.929	2.067.428.548	44.902.737.138	22.774.589.145	-	22.774.589.145
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.296.245.948	127.975.611.444	366.017.312.896	496.289.170.288	-	496.289.170.288
Tài sản không phân bổ	-	-	-	186.659.039.003	-	186.659.039.003
Tổng tài sản	2.296.245.948	127.975.611.444	366.017.312.896	682.948.209.291	-	682.948.209.291
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.666.456.231	-	230.112.189.825	231.778.646.056	-	231.778.646.056
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	8.394.571.661	-	8.394.571.661
Tổng nợ phải trả	1.666.456.231	-	230.112.189.825	240.173.217.717	-	240.173.217.717

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vay vốn			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	11.823.745.584.010	12.917.881.357.270
Trả vốn vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	11.784.167.714.294	12.901.459.651.580
Chi trả lãi vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	5.970.734.180	5.732.413.850

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn			
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	(*)	7.700.000.000	22.600.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	25.114.006.552	25.114.006.552
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	(*)	4.042.300.000	4.021.450.000
Phải trả tiền vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	199.892.189.825	160.314.320.109
Phải thu khác			
Tập Đoàn Geleximco- Công ty CP	(*)	109.517.773	10.533.939
Ký quỹ ký cược			
Tập Đoàn Geleximco- Công ty CP	(*)	655.305.000	655.305.000
Phải trả khác			
Tập Đoàn Geleximco- Công ty CP	(*)	979.090.009	-


(*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này. Quan hệ với các bên liên quan không nhất thiết thuộc quan hệ giữa các bên liên kết theo nghị định NĐ20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017.


Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.477.329.068	2.494.816.368

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.


Nguyễn Thị Hiền Lương
Người lập


Nguyễn Việt Cường
Kế toán trưởng


Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020